



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚC HƯNG HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN NGÀY 30/06/2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHÚC HƯNG HOLDINGS

Tầng 3 tòa nhà HH2, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Phúc Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Tùng Lâm	Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Khánh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Thắng	Ủy viên
Ông Trần Huy Tường	Ủy viên
Ông Bùi Quang Bách	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2012)
Ông Nguyễn Phú Dũng	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

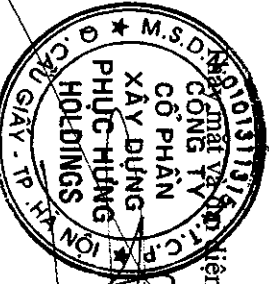
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Biện cho Ban Tổng Giám đốc,



Cao Tung Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ **International Auditing and Financial Consulting Company Limited**

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32nd Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhân Chính, Cầu Giấy District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcviệtnam.com.vn Website: www.ifcviệtnam.com.vn

Số: 3003/2012/BCSX-IFC

BÁO CÁO SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho Kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012
đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings**

Kính gửi:
Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 27 tháng 08 năm 2012 từ trang 5 đến trang 33 kèm theo. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

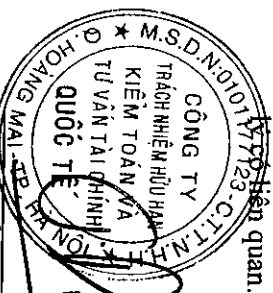
Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp luật hiện hành.



Phạm Tiến Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

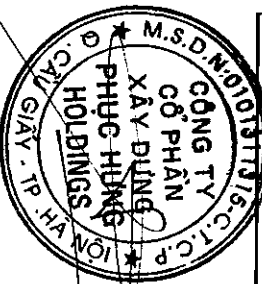
MÃ SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGÂN HÀNG	100		558.210.574.044	472.270.810.523
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		27.553.442.476	17.547.959.675
1. Tiền	111	V.1	27.553.442.476	17.547.959.675
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		324.642.000	105.550.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	324.642.000	105.550.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		312.406.008.019	183.347.175.846
1. Phải thu khách hàng	131		279.335.751.126	168.703.330.190
2. Trả trước cho người bán	132		17.611.469.105	12.412.237.355
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	16.790.572.587	3.563.393.100
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.331.784.799)	(1.331.784.799)
IV. Hàng tồn kho	140		188.338.983.344	248.190.190.498
1. Hàng tồn kho	141	V.4	188.338.983.344	248.190.190.498
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.587.498.205	23.079.934.504
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.942.225.557	3.540.931.242
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.181.971	1.281.780.784
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	108.138
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	27.644.090.677	18.257.114.340
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		157.788.378.728	172.886.460.202
II. Tài sản cố định	220		37.163.691.570	41.376.152.042
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	36.702.695.533	40.903.238.098
- Nguyên giá	222		68.252.723.322	72.348.167.281
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.550.027.789)	(31.444.929.183)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	460.996.037	472.913.944
- Nguyên giá	228		551.227.589	561.227.589
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(90.231.552)	(88.313.645)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		89.322.937.077	89.160.152.632
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	88.598.295.077	88.460.152.632
3. Đầu tư dài hạn khác	258		724.642.000	700.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		31.301.750.081	42.350.155.528
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	30.236.837.351	41.715.158.714
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		346.852.450	509.556.534
3. Tài sản dài hạn khác	268		718.060.280	125.440.280
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		715.998.952.772	645.157.270.725

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MÃ SỐ B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		544.142.216.934	466.645.941.456
I. Nợ ngắn hạn	310		538.792.777.157	460.016.097.779
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	173.451.312.707	146.726.689.570
2. Phải trả người bán	312		122.380.990.414	99.337.334.418
3. Người mua trả tiền trước	313		46.262.535.924	78.358.355.491
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	33.912.737.187	22.204.389.594
5. Phải trả người lao động	315		14.883.307.215	8.944.444.438
6. Chi phí phải trả	316	V.14	43.323.218.217	22.378.722.646
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		50.977.500	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	101.797.446.571	79.979.299.053
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		242.611.000	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2.487.640.422	2.086.862.569
II. Nợ dài hạn	330		5.349.439.777	6.629.843.677
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	5.265.747.034	6.503.306.934
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		83.692.743	126.536.743
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.782.214.568	165.927.595.045
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	158.782.214.568	165.927.595.045
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		109.999.770.000	109.999.770.000
2. Thành dư vốn cổ phần	412		36.600.598.130	36.600.598.130
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.063.367.327	1.573.493.594
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1.046.567.500)	(1.046.567.500)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.946.051.687	2.450.838.606
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.274.300.490	3.302.900.962
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		123.976.481	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		820.717.953	13.046.561.253
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		13.074.521.270	12.583.734.224
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		715.998.952.772	645.157.270.725



(Handwritten signature)

Cao Tùng Lâm
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Ngô Thị Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

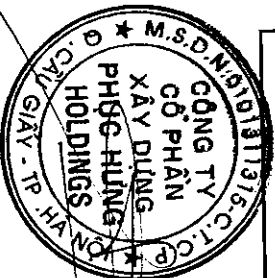
(Handwritten signature)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MÃU SỐ B 02-DN/HN
 Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	429.140.771.089	357.929.870.007
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	429.140.771.089	357.929.870.007
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	403.381.434.850	329.672.560.615
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.759.336.239	28.257.309.392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	584.588.933	1.285.103.981
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.235.252.701	8.689.566.363
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.023.431.583	8.621.148.296
8. Chi phí bán hàng	24		634.995.833	1.245.286.679
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.689.792.915	11.837.898.939
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.783.883.723	7.769.661.392
11. Thu nhập khác	31		1.766.743.525	1.925.138.283
12. Chi phí khác	32		1.337.741.603	2.655.841.090
13. Lợi nhuận khác	40		429.001.922	(730.702.807)
14. Lãi/lai trong công ty liên kết, liên doanh	45		138.142.445	(19.465.177)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.351.028.090	7.019.493.408
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	606.434.126	1.661.326.595
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		72.094.645	168.287.823
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.672.499.319	5.189.878.990
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		966.581.963	750.554.507
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		705.917.356	4.439.324.483
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	64	448



(Handwritten signature)

Cao Tùng Lâm
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012

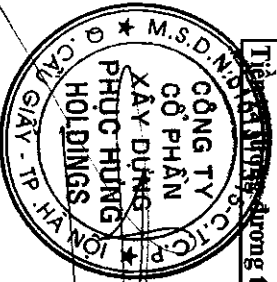
Ngô Thị Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

(Handwritten signature)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN
 Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01		296.245.630.261	637.066.634.004
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(261.681.598.861)	(411.117.674.424)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.834.786.573)	(43.023.092.490)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(11.576.271.970)	(12.210.588.900)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(311.770.012)	(1.248.355.238)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		63.697.263.457	81.933.708.652
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(73.132.167.681)	(250.072.624.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.593.701.379)	1.328.007.383
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các TS dài hạn khác	21		-	(3.890.536.830)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(12.044.062.650)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	13.214.641.144
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(43.500.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		112.120.943	1.143.870.174
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		112.120.943	(45.076.088.162)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	920.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		204.015.228.295	188.193.713.167
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(178.528.165.058)	(159.614.861.550)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(7.920.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		25.487.063.237	21.578.851.617
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.005.482.801	(22.169.229.162)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.547.959.675	57.441.647.617
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	27.553.442.476	35.272.418.455



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Ngô Thị Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp là 0101311315 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 10 năm 2010 và các lần sửa đổi. Tiền thân của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103001141 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2002).

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim trước đây là Công ty TNHH Xây dựng Phục Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002911 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 07 năm 2001.

Ngày 05 tháng 11 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PHC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101311315 thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 05 tháng 09 năm 2011, vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (sáu tỷ đồng chẵn) và vốn điều lệ của Công ty là 109.999.770.000 đồng (một trăm linh chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn), tổng số cổ phần tương ứng là 10.999.977 cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012, Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings có tất cả 03 chi nhánh, 03 công ty con, 03 công ty liên doanh và 01 công ty liên kết. Cụ thể bao gồm:

Các Chi nhánh:

- Chi nhánh Miền Nam tại P2006 Lô A, tòa nhà 21 tầng Trung tâm Thương mại, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại Tầng 4, Tòa nhà Me Kong Tower, số 235-237, 239-241 đường Cộng Hòa, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh; và
- Chi nhánh Thăng Long tại tầng 3 tòa nhà HH2, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Các Công ty con:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7
- Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng

Công ty liên doanh

- Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic
- Công ty Cổ phần Bất động sản Phục Hưng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Nghệ An

Công ty liên kết

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 232 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 239 người).

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT (TIẾP THEO)**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng (chủ yếu là thi công các công trình Si lô, ống khói bằng công nghệ ván khuôn trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất và buôn bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật hạ tầng, khu đô thị và khu công nghiệp, san lấp mặt bằng, gia công lắp đặt kết cấu thép;
- Thi công, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, xử lý nước thải; kinh doanh phát triển nhà;
- Thiết kế công trình (thiết kế tổng thể mặt bằng, kết cấu), công trình kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; và
- Thiết kế công trình (thiết kế kiến trúc, tổng thể mặt bằng, nội ngoại thất: đối với công trình dân dụng, công nghiệp...).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng bảng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, các công ty con là Công ty cổ phần Dầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3, Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng và Công ty Liên doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH phát triển nhà Viettel Hancic. Công ty Cổ phần Bất động sản Nghệ An và Công ty Cổ phần Bất động sản Phục Hưng. Các Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của toàn bộ công ty liên doanh và liên kết chưa được kiểm toán. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng (công ty liên kết) chưa được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này do tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Dầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng chưa hoàn thành báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Đồng thời Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 tại Thuyết minh số VII.1.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings và các Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau đã được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính, lãi/(lỗ) chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty trong nội bộ Công ty cũng đã được loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tài ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho bất kỳ thời, không, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá, các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính ban hành quy định về Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình chủ yếu thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn của các lô đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán, phần mềm quản lý năng suất lương được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi số cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí thuê văn phòng HH2 - Yên Hòa, chi phí quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn (Tiếp theo)

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm. Chi phí thuê Văn phòng HH2 - Yên Hòa được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng thuê văn phòng là 50 năm. Chi phí quyền được mua sản phẩm của dự án từ Liên doanh được phân bổ vào khoản mục "Hàng hóa bất động sản" (giá mua các sản phẩm của dự án từ Liên doanh) tương ứng với phần sản phẩm của dự án mà Liên doanh đã bán cho Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng (quyền sử dụng đất, giá trị xây dựng trên đất và căn hộ) được ghi nhận theo số tiền khách hàng thanh toán từng đợt theo tiến độ quy định trên hợp đồng. Công ty phát hành hóa đơn và không phân biệt đã bàn giao hay chưa bàn giao nhà cho khách hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ Kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm Kết thúc Kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành.

Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định số 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hỏi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.051.803.440	403.239.182
Tiền gửi ngân hàng	26.501.639.036	17.144.720.493
Cộng	27.553.442.476	17.547.959.675

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	300.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn khác	24.642.000	105.550.000
Cộng	324.642.000	105.550.000

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Bim Sơn

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khác	16.790.572.587	3.563.393.100
- Các cá nhân	7.257.617.459	3.563.393.100
- Công ty TNHH Phát triển Nhà Viettel Hancic (*)	4.610.424.000	-
- Công ty CP Cơ giới và XD Thăng Long (**)	3.000.000.000	-
- Công ty CP Xây dựng số 6 Thăng Long (**)	1.500.000.000	-
- Phải thu khác	422.531.128	-
Cộng	16.790.572.587	3.563.393.100

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÀN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Tiếp theo)**

(*) Lợi nhuận được chia theo thông báo của Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hanic.

(**) Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings góp vốn bằng tiền vào Công ty Cổ phần Cơ giới & Xây dựng Thăng Long và Công ty Cổ phần Xây dựng số 6 Thăng Long lần lượt theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 99/HĐHTDT và số 103/HĐHTDT về việc Đầu tư xây dựng khu nhà ở thấp tầng, chung cư cao tầng và dịch vụ tại xã Kim Nỗ - huyện Đông Anh - TP Hà Nội.

4. Hàng tồn kho

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	167.899.298	3.175.516.698
Công cụ, dụng cụ	171.120.491	53.531.410
Chi phí SXKD dở dang	160.421.293.504	212.019.075.602
Hàng hóa	27.578.670.051	32.942.066.788
Cộng	188.338.983.344	248.190.190.498

5. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	26.969.827.677	16.669.571.104
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	674.263.000	1.587.543.236
Cộng	27.644.090.677	18.257.114.340

(*) Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên là những khoản tiền đã tạm ứng cho các đội nhận khoán của Công ty để mua nguyên vật liệu, thanh toán tiền lương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	532.390.727	49.515.608.003	18.991.907.437	2.288.379.613	1.019.881.501	72.348.167.281
Mua trong kỳ	-	46.613.364	27.172.000	71.800.000	-	145.585.364
Tặng khác	-	-	181.818.182	113.086.359	-	294.904.541
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.567.925.008)	-	(536.187.166)	(134.189.876)	(4.238.302.050)
Giảm khác	-	(294.904.541)	(2.727.273)	-	-	(297.631.814)
Tại ngày 30/06/2012	532.390.727	45.699.391.818	19.198.170.346	1.937.078.806	885.691.625	68.252.723.322
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	62.026.956	21.177.224.769	7.956.677.042	1.745.494.453	503.505.963	31.444.929.183
Khấu hao trong kỳ	16.935.694	2.866.690.885	1.109.545.168	307.008.445	21.362.123	4.321.542.315
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.546.066.667)	-	(536.187.166)	(134.189.876)	(4.216.443.709)
Tại ngày 30/06/2012	78.962.650	20.497.848.987	9.066.222.210	1.516.315.732	390.678.210	31.550.027.789
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2012	470.363.771	28.338.383.234	11.035.230.395	542.885.160	516.375.538	40.903.238.098
Tại ngày 30/06/2012	453.428.077	25.201.542.831	10.131.948.136	420.763.074	495.013.415	36.702.695.533

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của công ty với giá trị khoảng 9.343.922.939 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 khoảng: 7.725.750.229 đồng).

Công ty đã thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 15.692.594.209 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 17.194.724.466 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

ST: 177
CH: NG
VA: TT
NH: NH
VA: TT
NH: NH
VA: TT
NH: NH

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử	Phần mềm	Phần mềm quản lý	Tổng cộng
	dụng đất VND	kế toán VND	năng suất lượng VND	
NGUYỄN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012	420.000.000	131.227.589	10.000.000	561.227.589
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.000.000)	(10.000.000)
Tại ngày 30/06/2012	420.000.000	131.227.589	-	551.227.589
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	-	78.313.645	10.000.000	88.313.645
Khấu hao trong kỳ	-	11.917.907	-	11.917.907
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(10.000.000)	(10.000.000)
Tại ngày 30/06/2012	-	90.231.552	-	90.231.552
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2012	420.000.000	52.913.944	-	472.913.944
Tại ngày 30/06/2012	420.000.000	40.996.037	-	460.996.037

8. Đầu tư vào công ty con

TT Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 30/06/2012	Hoạt động chính
1. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	Hà Nội	55%	3.025.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công nhà cao tầng, các kết cấu bê tông cốt thép); Xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi,...
2. Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	Thanh Hóa	40%	2.000.000.000	Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, kỹ thuật, hạ tầng, khu đô thị, và khu công nghiệp (chủ yếu là thi công các công trình silo, ống khói bằng công nghệ ván trượt, thi công kết cấu bê tông cốt thép dự ứng lực),...

3. Công ty Cổ phần Thương mại Phục Hưng	Hà Nội	65%	6.500.000.000	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Buôn bán vật liệu và thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Buôn bán máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khai khoáng trong xây dựng; Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng.
---	--------	-----	---------------	--

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG PHỤC HƯNG HOLDINGS BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tầng 3, nhà HH2, phường Yên Hòa

Cho kỳ hoạt động từ ngày

Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÀN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. Đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)**

Mặc dù Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7, Công ty được quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Theo đó, Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7 vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty và được trình bày là công ty con của Công ty.

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

Công ty con	Tại ngày 30/06/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	275.000	3.025.000.000	275.000	3.025.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	650.000	6.500.000.000	650.000	6.500.000.000
Cộng		11.525.000.000		11.525.000.000

9. Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh

	Giá gốc của khoản đầu tư VND	Lũy kế các khoản điều chỉnh đến đầu năm nay		Tại ngày 30/06/2012 VND
		VND	VND	
Nhận chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty TNHH Phát triển nhà Vietel Hancic (*)	30.736.160.000	869.248.397	155.646.709	31.761.055.106
Góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật Việt Hưng	11.808.341.611	(757.596.678)	-	11.050.744.933
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Phục Hưng	42.000.000.000	(578.399)	(1.478.933)	41.997.942.668
Góp vốn vào Công ty CP Bất động sản Nghệ An	4.000.000.000	(195.422.299)	(16.025.331)	3.788.552.370
Cộng	88.544.501.611	(84.348.979)	138.142.445	88.598.295.077

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng Constrexim số 03/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2009, Công ty đồng ý mua toàn bộ phần vốn góp và quyền lợi của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic. Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn giữa Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng Hà Nội (Hancic) (bên chuyển nhượng) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & XNK Phục Hưng Constrexim (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) (bên nhận chuyển nhượng) ngày 5 tháng 11 năm 2009, Công ty đã mua lại 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Nội (Hancic) trong Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel - Hancic với số tiền mua là 110.218.000.000 đồng. Công ty ghi nhận chi phí mua 30% giá trị sổ sách của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Hà nội (Hancic) trong Liên doanh với số tiền là 30.736.160.000 đồng vào khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh”. Phần còn lại Công ty ghi nhận vào khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” (Thuyết minh số V.11).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**10. Đầu tư dài hạn khác**

Nội dung đầu tư	Tại ngày 30/06/2012		Tại ngày 01/01/2012	
	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)	Số lượng (cổ phần)	Giá trị (VND)
Góp vốn vào Công ty CP Kiến trúc Phục Hưng	70.000	700.000.000	70.000	700.000.000
Mua cổ phần của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.332	24.642.000	-	-
Cộng		724.642.000		700.000.000

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ	9.300.024.279	15.632.523.175
Chi phí thuê văn phòng HH2	2.955.889.543	2.973.243.544
Chi phí quyền được mua sản phẩm từ dự án của Liên doanh (*)	17.980.923.529	23.109.391.995
Cộng	30.236.837.351	41.715.158.714

(*) Chi phí để có quyền được mua sản phẩm của dự án từ Công ty TNHH Phát triển nhà Viettel Hancic

12. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN	118.527.519.637	90.659.866.434
Đông Đô	29.657.399.948	26.408.198.032
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN		
Bim Sơn	10.250.606.763	17.620.519.311
- Các tổ chức Tài chính khác	15.015.786.359	12.038.105.793
- Các cá nhân khác		
Cộng	173.451.312.707	146.726.689.570

Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô gồm các hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 36032.2011/HDTDHM ngày 18 tháng 05 năm 2011 với hạn mức dư nợ tối đa là 117 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, thời hạn rút vốn của Hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2530767.2011/HETDHM ngày 20 tháng 09 năm 2011, số tiền vay theo hạn mức là 14.000.000.000 đồng, thời hạn rút vốn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng ngân hàng cụ thể, thông thường là 6 tháng. Các khoản vay trên chịu lãi suất theo từng Hợp đồng tín dụng ngân hàng cụ thể theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Gốc vay được trả vào cuối thời hạn vay. Công ty sử dụng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND, ngoài tên của Công ty tại ngân hàng, Tổ chức tín dụng khác và tài sản của bên thứ 3 để thế chấp cho khoản vay này.

Vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Bim Sơn theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/12/HD/01/1771363 ngày 24 tháng 05 năm 2012 với hạn mức tối đa là 40 tỷ đồng, thời hạn hạn rút vốn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay trong từng hợp đồng tín dụng ngân hàng cụ thể thông thường là từ 3 đến 6 tháng. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngân hàng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng đã được thỏa thuận, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lãi vay trả hàng tháng, gốc vay được trả vào cuối thời hạn vay hoặc theo lịch trả nợ trên từng kế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng hình thức thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất.

Khoản vay ngắn hạn khác theo các hợp đồng vay vốn lưu động được ký kết giữa Công ty và các tổ chức tín dụng, cá nhân khác. Các khoản vay cá nhân khác không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất từ 1% đến 1,5%/tháng trên chi phí đi vay tùy thuộc vào từng hợp đồng vay, lãi suất này không có định có thể thay đổi căn cứ vào biến động lãi suất của ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo sự thỏa thuận của hai bên.

Vay cá nhân là các khoản vay ngắn hạn các cân bộ, công nhân viên trong Công ty theo từng hợp đồng vay cụ thể, lãi suất vay biến động theo từng thời kỳ mà hai bên sẽ thỏa thuận sao cho phù hợp với biến động của lãi suất ngân hàng.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	24.382.321.916	13.310.679.680
Thuế xuất, nhập khẩu	-	123.126.940
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.952.044.323	8.448.730.685
Thuế thu nhập cá nhân	578.370.948	321.852.289
Cộng	33.912.737.187	22.204.389.594

14. Chi phí phải trả

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trích trước chi phí xây lắp	42.339.725.790	21.450.504.085
Trích trước chi phí bán hàng	983.492.427	928.218.561
Cộng	43.323.218.217	22.378.722.646

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	920.015.255	815.105.512
Bảo hiểm xã hội	802.619.258	901.024.938
Bảo hiểm y tế	33.537.019	82.354.449
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.200.000.000	1.500.000.000
Phải trả phải nộp khác	93.814.393.605	76.632.529.199
+ Phải trả các Đơn vị xây dựng công trình	71.950.894.819	42.646.259.116
+ Phải trả có tức cho có đồng	7.622.983.900	-
+ Các khoản phải trả khác	14.240.514.886	33.986.270.083
Bảo hiểm thất nghiệp	26.881.434	48.284.955
Cộng	101.797.446.571	79.979.299.053

16. Vay và nợ dài hạn

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô	1.652.855.800	2.069.855.800
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ	3.612.891.234	4.433.451.134
Cộng	5.265.747.034	6.503.306.934

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Đông Đô gồm:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 07.36032.01/HHTDTH ngày 06 tháng 03 năm 2007 với thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư văn phòng Công ty tại Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội. Công ty sử dụng giá trị quyền sử dụng diện tích 523 m2 thuê trong 50 năm tại tầng 3 Tòa nhà HH2 - phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội để thế chấp cho khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 256.077.400 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 256.077.400 đồng).

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02.36032.09/HHTDTH ngày 28 tháng 12 năm 2009 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu cầu thép SCM C6018. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 119.793.500 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 236.793.500 đồng).

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01.36032/2011/HHTDTH ngày 27 tháng 04 năm 2011 với thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận món nợ đầu tiên đến ngày trả hết nợ vay. Khoản vay này được sử dụng để nhập khẩu Cầu rút bê tông. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay và vốn tự có để thế chấp khoản vay này. Số dư vay trung hạn còn phải trả tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 1.276.984.900 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.576.984.900 đồng).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÀN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**16. Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)**

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - chi nhánh Điện Biên Phủ gồm:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 111.11.062.642224.TD ngày 12 tháng 09 năm 2011 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ với Công ty Cổ phần Xây dựng Phúc Hưng Holdings, số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 2.407.698.634 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư khung giàn giáo và đầu tư vận thăng lồng. Công ty sử dụng tài sản được hình thành từ vốn vay để thế chấp khoản vay này.
- Hợp đồng tín dụng số 161.10.062.667779.TD ngày 12 tháng 10 năm 2010 và Phụ lục Hợp đồng tín dụng số 01/161.10.062.667779.TD ngày 20 tháng 10 năm 2010, số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 1.461.270.000 đồng. Thời hạn vay là 36 tháng. Lãi vay trả hàng tháng. Góc vay trả theo qui định tại Phụ lục hợp đồng số 01/161.10.062.667779.TD, chia làm 12 kỳ, bắt đầu từ ngày 28 tháng 12 năm 2010. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và bất động sản là nhà đất tại số 79 ngõ 151 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội.

Các khoản vay dài hạn này được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.330.270.900	3.040.760.900
Trong năm thứ hai	1.800.070.000	2.454.980.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.135.406.134	1.007.566.034
Cộng	<u>5.265.747.034</u>	<u>6.503.306.934</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2011	100.000.000.000	37.234.865.500	1.573.493.594	(1.554.267.370)	2.129.600.320	3.000.507.847	-	21.945.796.823	164.329.996.714
Phát hành cổ phiếu (*)	9.999.770.000			(1.046.567.500)					8.953.202.500
Tái phát hành cổ phiếu		(634.267.370)		1.554.267.370					920.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	12.172.013.220	12.172.013.220
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(17.919.951.000)	(17.919.951.000)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(1.665.965.091)	(1.665.965.091)
Hợp nhất các công ty	-	-	-	-	321.238.286	302.393.115	-	(1.117.309.699)	(493.678.299)
Chi thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	(368.023.000)	(368.023.000)
Tại ngày 01/01/2012	109.999.770.000	36.600.598.130	1.573.493.594	(1.046.567.500)	2.450.838.606	3.302.900.962	-	13.046.561.253	165.927.595.045
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	705.917.356	705.917.356
Phân phối các quỹ	-	-	489.873.733	-	-	3.200.536.967	-	(3.690.410.700)	-
Hợp nhất các công ty	-	-	-	-	495.213.081	770.862.561	123.976.481	(1.618.366.056)	(228.313.933)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(7.622.983.900)	(7.622.983.900)
Chi thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2012	109.999.770.000	36.600.598.130	2.063.367.327	(1.046.567.500)	2.946.051.687	7.274.300.490	123.976.481	820.717.953	158.782.214.568

Theo nghị quyết số 01.NQ/2012/PH-ĐHĐCĐ ngày 07 tháng 04 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings, Công ty trích lập quỹ Dự trữ bổ sung vốn Điều lệ với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2011 (tương ứng 489.873.733 đồng). Cũng theo Nghị quyết này, Công ty trả cổ tức với tỷ lệ cổ tức/cổ phần là 7% (tương ứng 7.622.983.900 đồng) và trích quỹ Dự phòng tài chính với số tiền là 1.684.617.027 từ lợi nhuận sau thuế năm 2011, trích lập quỹ Dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế còn lại các năm trước số tiền 1.515.919.940 đồng.

Tầng 3, nhà HH2, phường Yên Hòa

Cho kỳ hoạt động từ ngày

Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****17. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Cổ phiếu**

	30/06/2012	01/01/2012
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	11.000.000	11.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.999.977	10.999.977
- Cổ phiếu phổ thông	10.939.977	10.939.977
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	110.000	110.000
- Cổ phiếu phổ thông	110.000	110.000
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.889.977	10.889.977
- Cổ phiếu phổ thông	10.829.977	10.829.977
- Cổ phiếu bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu	60.000	60.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phần

Số cổ phần bị hạn chế quyền chuyển giao quyền sở hữu là số cổ phần có nguồn gốc từ việc năm 2003 Tổng Công ty Cổ phần Dầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam (Constrexim Holdings) góp vốn vào Công ty Cổ phần Dầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Phục Hưng (nay là Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings) bằng thương hiệu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	429.140.771.089	357.929.870.007
Trong đó:		
Doanh thu hoạt động xây lắp	398.670.076.162	304.870.050.544
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15.696.771.747	24.420.845.456
Doanh thu từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà	14.773.923.180	28.638.974.007
Cộng	429.140.771.089	357.929.870.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

*Các Thuê tính minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****2. Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	376.586.232.653	285.848.611.938
Giá vốn từ bán hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ khác	13.043.263.795	21.284.366.816
Giá vốn từ văn bản chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà	13.751.938.402	22.539.581.861
Giá vốn từ hoạt động sản xuất bê tông	-	-
Giá vốn từ hoạt động kinh doanh khác	-	-
Cộng	403.381.434.850	329.672.560.615

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	386.671.211	1.285.103.981
Thu nhập khác	197.917.722	-
Cộng	584.588.933	1.285.103.981

4. Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	11.023.431.583	8.621.148.296
Chi phí tài chính khác	211.821.118	68.418.067
Cộng	11.235.252.701	8.689.566.363

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Phục Hưng Holdings	-	1.195.753.502
Công ty CP Dầu tư Xây dựng Phục Hưng số 3	25.317.882	192.304.775
Công ty CP Dầu tư Xây dựng Phục Hưng số 7	389.464.173	272.014.553
Công ty CP Thương mại Phục Hưng	191.652.071	1.253.765
Cộng	606.434.126	1.661.326.595

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	705.917.356	4.439.324.483
Số cổ phần phổ thông lưu hành đầu kỳ	10.999.977	9.900.000
Số cổ phần phổ thông lưu hành cuối kỳ	10.999.977	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.999.977	9.900.546
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	64	448

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.461.319.818	84.926.215.495
Chi phí nhân công	74.545.489.746	61.704.299.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.465.867.289	5.444.988.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.914.310.229	189.619.633.581
Chi phí khác bằng tiền	6.463.971.762	5.004.991.817
Cộng	292.850.958.844	346.700.128.564

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	27.553.442.476	17.547.959.675
Phải thu khách hàng và phải thu khác	294.794.538.914	170.934.938.491
Đầu tư ngắn hạn	324.642.000	105.550.000
Đầu tư dài hạn	724.642.000	700.000.000
Cộng	323.397.265.390	189.288.448.166
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	178.717.059.741	153.229.996.504
Phải trả người bán và phải trả khác	224.178.436.985	179.316.633.471
Chi phí phải trả	43.323.218.217	22.378.722.646
Cộng	446.218.714.943	354.925.352.621

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quan lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức độ hạn hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phải sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối Kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được đưa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Tại ngày 30/06/2012		Tổng VND
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	
Phải trả người bán và phải trả khác	224.178.436.985	-	224.178.436.985
Chi phí phải trả	43.323.218.217	-	43.323.218.217
Các khoản vay	173.451.312.707	5.265.747.034	178.717.059.741

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức độ hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đảo hạn theo dòng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuận.

Tầng 3, nhà HH2, phường Yên Hòa

Cho kỳ hoạt động từ ngày

Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất***VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2012	Dưới 1 năm		Từ 1 - 5 năm		Tổng VND
	VND	VND	VND	VND	
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.553.442.476	-	-	27.553.442.476	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	294.794.538.914	-	-	294.794.538.914	
Đầu tư tài chính	324.642.000	724.642.000	-	1.049.284.000	

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Từ ngày		Tổng VND
		01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	
Hội đồng quản trị		117.000.000	634.000.000	
Nguyễn Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 8/4/2011)	-	156.000.000	
Cao Tùng Lâm	Chủ tịch HĐQT (bỏ nhiệm ngày 8/4/2011)	39.000.000	180.000.000	
Trịnh Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	21.000.000	81.000.000	
Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	21.000.000	121.000.000	
Trần Huy Tường	Thành viên HĐQT	21.000.000	15.000.000	
Bùi Quang Bách	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 6/4/2012)	15.000.000	15.000.000	
Lưu Văn Lạc	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 08 tháng 04 năm 2011)	-	66.000.000	
Nguyễn Phú Dũng	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 6/4/2012))	6.000.000	-	
Ban kiểm soát		39.000.000	131.500.000	
Nguyễn Thị Lan	Trưởng BKS	21.000.000	119.500.000	
Tào Minh Dương	BKS	9.000.000	6.000.000	
Nguyễn Thị Thu Thủy	BKS	9.000.000	6.000.000	
Nguyễn Văn Duy	BKS	-	21.500.000	
Nguyễn Lan Hương	BKS	-	21.500.000	
Ban Giám đốc		708.525.958	713.200.000	
Cao Tùng Lâm	Tổng Giám đốc	243.495.000	254.400.000	
Đỗ Việt Anh	Phó Tổng Giám đốc	123.435.000	129.000.000	
Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	160.006.064	137.200.000	
Bùi Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc	60.480.000	63.600.000	
Trần Hồng Phúc	Phó Tổng Giám đốc	121.109.894	129.000.000	

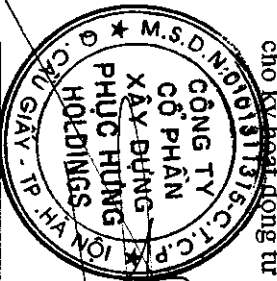
VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ hoạt động và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã được soát xét.



Cao Tùng Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2012

Ngô Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng